TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-6-2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Nhật Thành;

2. Bà Trần Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huê – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2022/TB-TLVA ngày 01 tháng 3 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Ngọc T, sinh năm 1989 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Thạch Chan T, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2022 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án chị Thạch Thị Ngọc T là nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2010 chị và anh Thạch Chan T do quen biết nên kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc. Trong quá trình chung

sống thì anh T và chị thường hay mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên sống ly thân khoảng 09 năm cho đến nay, chị và anh T có nhiều rạn nứt, không còn tin tưởng, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Nên nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh Thạch Chan T. Về con chung: có 01 con chung tên Thạch Thị Chan T, sinh ngày 30/5/2007. Hiện nay, cháu đang sinh sống với chị nên chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Về tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thạch Chan T vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Thạch Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với anh T được Tòa án triệu tập tham gia xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có quan điểm*: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo đúng qui định của pháp luật; còn đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo đúng qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký tại Điều 51 BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc T. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn cư trú tại ấp H, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Về xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ và thời hạn chuẩn bị xét xử đều thực hiện theo các quy định tại các Điều 68, Điều 97 và Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Thạch Thị Ngọc T và anh Thạch Chan T kết hôn vào năm 2010. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Càng

Long, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11 tháng 01 năm 2010. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống chị T cho rằng giữa anh chị có mâu thuẫn, anh T không quan tâm chăm sóc chị cũng như con chung. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T hợp lệ tham gia hòa giải, xét xử vào các ngày 23 tháng 3, ngày 16 tháng 5 và ngày 15 tháng 6 năm 2021 mà anh T không đến Tòa án trình bày ý kiến mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ và không có văn bản trả lời phản bác các yêu cầu của chị T, coi như anh T từ bỏ quyền được yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích pháp của mình. Căn cứ vào lời khai xác nhận của chị T trong quá trình giải quyết vụ án như đã nêu phần trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa chị T với anh T là trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T.

[3] Về con chung: Chị Thạch Thị Ngọc T xác định có 01 con chung tên Thạch Thị Chan T, sinh ngày 30/5/2007. Chị T yêu cầu được nuôi con chung, cháu T có ý kiến trình bày mong muốn được sống chung với chị T, anh T vắng mặt không có ý kiến cũng như không có văn bản phản đối, nên việc giao cháu Thu cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu về con chung của chị T.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị Ngọc T không yêu cầu anh Thạch Chan T cấp dưỡng cho con, anh T vắng mặt không có ý kiến cũng như không có văn bản phản đối nên Hội đồng xét xử chấp nhận, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thạch Thị Ngọc T xác định không có, anh Thạch Chan T không có văn bản phản đối hoặc ý kiến đối với vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Thạch Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Ngọc T.

Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Ngọc T được ly hôn với anh Thạch Chan T.

Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Chan T, sinh ngày 30/5/2007 cho chị Thạch Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thạch Chan T không phải cấp dưỡng cho con. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Thạch Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bằng 300.000 đồng nhưng cấn trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008781 ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, chị T không phải nộp tiếp. Anh Thạch Chan T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận**:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoàng Nguyên